ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 204 /2004/QĐ-UB *TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về phê duyệt mức thu phí các loại hình dịch vụ tư vấn của Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tài chính

****

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002 ;

- Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản ;

- Căn cứ Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và Thông tư số 25/2002/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ;

- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4688/TC-TTĐGTS ngày 04 tháng 8 năm 2004 về phê duyệt các nguyên tắc và mức thu cho các loại hình dịch vụ của Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay phê duyệt mức thu phí dịch vụ tư vấn (thẩm định giá, bán đấu giá tài sản, thông tin về giá, dịch vụ tư vấn hỗ trợ khác…) của Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tài chính như sau:

1. - Phí thẩm định giá tài sản : Thực hiện theo mức thu cụ thể tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2 - Phí tổ chức bán đấu giá tài sản : Thực hiện theo mức thu quy định tại Nghị định số 86/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản, mức thu cụ thể tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

§iÒu 2. - Thẩm quyền của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản :

1. - Đối với các Hợp đồng dịch vụ tư vấn có giá trị tài sản cần thẩm định có giá trị lớn (từ 100 tỷ đồng trở lên), tùy từng trường hợp, Giám đốc Trung tâm được phép giảm mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá tối đa không quá 50% trên mức thu quy định, trừ các trường hợp cụ thể theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền quyết định.

2. - Giám đốc Trung tâm được áp dụng mức chi hỗ trợ, quảng bá, quảng cáo, hoa hồng cho các tổ chức, cá nhân giới thiệu tìm nguồn khách hàng ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn hỗ trợ với mức chi tối đa 3% trên giá trị Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tối đa không quá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho một Hợp đồng.

3. - Sau khi các mức thu phí dịch vụ tư vấn nêu trên được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, hàng năm Giám đốc Trung tâm được triển khai điều chỉnh chi tiết mức thu cụ thể cho từng loại hình dịch vụ tư vấn nhưng không vượt quá mức thu tối thiểu - tối đa đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

§iÒu 3. – Trong trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác về mức thu phí dịch vụ tư vấn có liên quan ; giao Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố, hàng năm xem xét, điều chỉnh mức thu phí của Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản cho thích hợp.

§iÒu 4. – Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

§iÒu 5. – Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản, các Sở - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 5
- TTUB: CT; PCT/TT,TM,ĐT
- VP HĐ-UB: PVP/KT, ĐT
- Tổ TM, ĐT
- Lưu (TM/P)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

Phụ lục 01

Khung mức thu phí dịch vụ tư vấn thẩm định giá tài sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 204 /2004/QĐ-UB
ngày 27 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

****

1. Mức thu cho mỗi Hợp đồng dịch vụ tư vấn (tài sản thẩm định giá lần đầu) tối đa không vượt quá 0,42% giá trị thực của tài sản (giá trị thẩm định) ;

Khung mức thu cụ thể như sau :

Số thứ tự	**Giá trị tài sản**	**Khung mức thu theo đồng hoặc (%) trên giá trị tài sản thẩm định giá**
01	Tài sản có giá trị thẩm định giá dưới 40 triệu đồng.	200.000 đồng (một mức thu tối thiểu cho một Hợp đồng)
02	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 40 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.	0,42
03	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.	0,42 – 0,34
04	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng.	0,34 – 0,255
05	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng.	0,255 – 0,17
06	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng.	0,17 – 0,125
07	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 10 tỷ đồng đến dưới 25 tỷ đồng.	0,125 – 0,107
08	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 25 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng.	0,107 – 0,075
09	Tài sản có giá trị thẩm định giá từ 50 tỷ đồng trở lên	0,072

***Ghi chú** : Mức thu trên chưa tính Thuế Giá trị gia tăng 10%.*

2. Đối với các hợp đồng dịch vụ tư vấn có nhu cầu thẩm định giá lần 2, mức thu dịch vụ thẩm định giá lần 2 tối đa không quá 70% mức thu quy định của lần thẩm định đầu tiên (của khung mức thu ở điểm 1 trên), trên cơ sở các khoản thu bù đắp được các khoản chi phí.

3. Đối với các loại phí cung cấp thông tin về giá, phí dịch vụ tư vấn hỗ trợ khác… tuỳ theo tính chất, đặc điểm của từng loại tài sản, từng loại dịch vụ, Trung tâm sẽ thoả thuận cụ thể với khách hàng nhưng mức thu tối đa không vượt quá mức thu phí dịch vụ thẩm định giá tài sản ./.

Phụ lục 02

Mức thu phí dịch vụ tổ chức bán đấu giá tài sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 204 2004/QĐ-UB
ngày 27 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

****

Mức thu phí dịch vụ tổ chức bán đấu giá tài sản thực hiện theo Nghị định số 86/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bán đấu giá tài sản, cụ thể :

1. Người có tài sản nhờ Trung tâm tổ chức bán đấu giá phải trả lệ phí bán đấu giá tài sản.

2. Trong trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức lệ phí được tính như sau :

a) Tài sản bán được có giá trị từ một triệu (1.000.000) đồng trở xuống thì mức lệ phí là năm mươi nghìn (50.000) đồng.

b) Từ trên một triệu (trên 1.000.000) đồng đến một trăm triệu (100.000.000) đồng thì mức lệ phí bằng 5% của giá trị tài sản bán được .

c) Từ trên một trăm triệu (trên 100.000.000) đồng đến một tỷ (1.000.000.000) đồng thì mức lệ phí bằng 2% của giá trị tài sản bán được.

d) Từ trên một tỷ (trên 1.000.000.000) đồng trở lên thì mức lệ phí là hai mươi triệu (20.000.000) đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá một tỷ (1.000.000.000) đồng.

3. Trường hợp không bán được tài sản đấu giá thì mức lệ phí bằng 50% của mức lệ phí được quy định tại điểm 2 trên, nhưng tối đa không quá ba mươi triệu (30.000.000) đồng ./.